

**QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 236/2003/QĐ-TTg ngày 13/11/2003 về Danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật và Tối mật trong ngành Ngoại giao.**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 28 tháng 12 năm 2000;*

*Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và Bộ trưởng Bộ Công an,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật của ngành Ngoại giao gồm những nội dung trong phạm vi sau đây:

1. Các chủ trương, chính sách đối ngoại đặc biệt quan trọng của Đảng, Nhà nước và các kế hoạch thực hiện chưa công bố hoặc không công bố.

2. Chủ trương của Đảng và Nhà nước về việc giải quyết các tranh chấp về biên giới lãnh thổ quốc gia, bảo vệ chủ quyền và các quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam chưa công bố hoặc không công bố.

3. Những tin, tài liệu về các cuộc gặp bí mật cấp cao của lãnh đạo Đảng và Nhà

nước ta với các tổ chức, lãnh đạo và cá nhân nước ngoài chưa công bố hoặc không công bố.

4. Những tin, tài liệu của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế chuyển cho Việt Nam mà theo yêu cầu của bên chuyển giao chưa công bố hoặc không công bố.

**Điều 2.** Danh mục bí mật nhà nước độ Tối mật của ngành Ngoại giao gồm những nội dung trong phạm vi sau đây:

1. Nội dung các cuộc đàm phán, văn bản ký kết giữa nước ta với nước ngoài hoặc với các tổ chức quốc tế do Bộ Ngoại giao lưu giữ chưa công bố hoặc không công bố.

2. Phương án đàm phán, tài liệu liên quan chuẩn bị cho đàm phán và nội dung đàm phán giải quyết các tranh chấp về biên giới lãnh thổ quốc gia trên đất liền, trên biển, các hải đảo, thềm lục địa và vùng trời Việt Nam với các nước láng giềng chưa công bố hoặc không công bố.

3. Các ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Đảng và Nhà nước đối với Bộ Ngoại giao về công tác đối ngoại chưa công bố.

4. Tin, tài liệu, bản đồ liên quan đến biên giới quốc gia xác định chủ quyền do nước ngoài chuyển giao cho Việt Nam mà theo yêu cầu của bên chuyển giao chưa công bố hoặc không công bố.

5. Hồ sơ, tài liệu, bản đồ và sơ đồ liên quan đến mốc quốc giới và đường biên giới quốc gia chưa công bố.

6. Các kiến nghị về thành lập hoặc rút cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài hoặc việc kiến lập, đình chỉ quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam với nước ngoài chưa công bố.

7. Tài liệu chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động đối ngoại quan trọng cho các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài. Tài liệu các cơ quan đại diện gửi về liên quan đến những vấn đề nhạy cảm hoặc đối tác đặc biệt.

Tài liệu về tổ chức, hoạt động nghiệp vụ đặc biệt của ngành Ngoại giao. Các tài liệu quan trọng đánh giá tình hình quốc tế, các tổ chức quốc tế, khu vực, các nước có vị thế quan trọng trên quốc tế, các nước có quan hệ đặc biệt.

8. Các tài liệu quy định, quy ước, thông số kỹ thuật về thông tin liên lạc của Bộ Ngoại giao.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế các Quyết định số 730/TTg ngày 01 tháng 12 năm 1994 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục bí mật nhà nước trong ngành Ngoại giao và Quyết định số 324/TTg ngày 27 tháng 5 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục bí mật nhà nước của Ban Biên giới của Chính phủ.

**Điều 4.** Bộ trưởng Bộ Ngoại giao có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước trong các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý và

hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Quyết định này.

**Điều 5.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHẢI

**QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 237/2003/QĐ-TTg ngày 13/11/2003 về Danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật và Tối mật trong ngành Tài chính.**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 28 tháng 12 năm 2000;*

*Căn cứ Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước;*